

ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN: ANH NGỮ 3
 MÃ MÔN: ENG2201

Ngày thi: 28/02/2014

BẢNG GHI ĐIỂM
 KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: N18DLK
 Tín chỉ: 2
 Học kì: 3
 Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ		
				10%				30%	60%	100%			
1	1812719005	Lê Tú Anh	N18DLK1	7	6.5	7		6.8	6.5	6.6	Sau pháp	Sau	
2	1813719019	Nguyễn Cao Cấp	N18DLK1	6	6	4		5.0	5.5	5.4	Nằm pháp	Bầu	
3	1813719056	Dụng Anh Đức	N18DLK1	7	5.5	6		5.8	6.5	6.3	Sau pháp	Ba	
4	1812719043	Hoàng Mộng Duyên	N18DLK1	10	5	8		6.5	6.5	6.9	Sau pháp	Chên	
5	1812719059	Nguyễn Thị Hương Giang	N18DLK1	9	7	9		8.0	7.5	7.8	Baý pháp	Tâm	
6	1812719065	Phan Thị Thu Hà	N18DLK1	6	6.5	7.5		7.0	6.0	6.3	Sau pháp	Ba	
7	1813719061	Đinh Ngọc Hà	N18DLK1	6	4	8		6.0	5.0	5.4	Nằm pháp	Bầu	
8	1812719076	Nguyễn Thị Kim Hiền	N18DLK1	10	5	7		6.0	6.0	6.4	Sau pháp	Bầu	
9	1812719074	Nguyễn Trần Thu Hiền	N18DLK1	10	7	8		7.5	6.0	6.9	Sau pháp	Chên	
10	1813719080	Nguyễn Quốc Hiếu	N18DLK1	6	5	7		6.0	5.0	5.4	Nằm pháp	Bầu	
11	1813719107	Hồ Nguyễn Anh Khoa	N18DLK1	6	5	5		5.0	7.0	6.3	Sau pháp	Ba	
12	1813719127	Nguyễn Thành Long	N18DLK1	5	6	6		6.0	7.0	6.5	Sau pháp	Nằm	
13	1812719168	Trần Thị Hiền Nhi	N18DLK1	8	6	5		5.5	6.5	6.4	Sau pháp	Bầu	
14	1813719174	Trương Minh Nhật	N18DLK1	9	8	9		8.5	7.5	8.0	Tâm		
15	1813719190	Dương Tấn Phụng	N18DLK1	9	6	5		5.5	6.5	6.5	Sau pháp	Nằm	
16	1813719192	Nguyễn Phước	N18DLK1	6	6	5		5.5	6.5	6.2	Sau pháp	Hai	
17	1813719208	Phùng Ngọc Quỳnh	N18DLK1	10	7	7		7.0	8.0	7.9	Baý pháp	Chên	
18	1812719211	Lê Thị Như Quỳnh	N18DLK1	10	7	8		7.5	6.0	6.9	Sau pháp	Chên	
19	1812719222	Võ Huyền Tố Tâm	N18DLK1	7	5.5	7.5		6.5	6.0	6.3	Sau pháp	Ba	
20	1812719234	Trần Việt Thảo	N18DLK1	5	5	5		5.0	0.0	0.0	Khăng		V
21	1812719245	Đặng Thị Hoài Thu	N18DLK1	8	6	7.5		6.8	6.0	6.4	Sau pháp	Bầu	
22	1813719267	Tiêu Phi Toàn	N18DLK1	9	7	7.5		7.3	7.0	7.3	Baý pháp	Ba	
23	1812719272	Huỳnh Huyền Trâm	N18DLK1	7	5	7.5		6.3	5.5	5.9	Nằm pháp	Chên	
24	1812719268	Nguyễn Thị Thùy Trang	N18DLK1	8	5	5		5.0	6.0	5.9	Nằm pháp	Chên	
25	1812719302	Cao Thanh Vân	N18DLK1	7	7	8		7.5	7.0	7.2	Baý pháp	Hai	
26	1812719303	Trần Thị Kiều Vân	N18DLK1	6	5	6		5.5	5.0	5.3	Nằm pháp	Ba	
27	1812719311	Trương Thị Von	N18DLK1	8	5	5		5.0	4.0	0.0	Khăng		
28	1813719314	Phạm Hoàng Vũ	N18DLK1	8	4	6		5.0	5.0	5.3	Nằm pháp	Ba	
29	1812719323	Trương Nguyễn Như Ý	N18DLK1	6	4	6		5.0	6.0	5.7	Nằm pháp	Baý	
30	1813719016	Trần Lê Quốc Bảo	N18DLK1	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng		Cấm thi,
31	1813719088	Phan Trọng Hoan	N18DLK1	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng		Cấm thi, HP
32	1813719188	Trần Đăng Phúc	N18DLK1	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng		Cấm thi, HP
33	1812719195	Nguyễn Thị Thanh Phương	N18DLK1	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng		Cấm thi, HP
34	1812719231	Nguyễn Thị Thanh Thảo	N18DLK1	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng		Cấm thi, HP
35	1812719258	Nguyễn Phước Tôn Nữ Thương	N18DLK1	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng		Cấm thi, HP
36	1813719261	Đặng Vũ Tiến	N18DLK1	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng		Cấm thi, HP
37	1813719263	Trần Tín	N18DLK1	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng		Cấm thi, HP

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
38	1812719007	Cao Xuân Hoàng Anh	N18DLK2	9	5.5	5.5		5.5	0.0	0.0	Khăng	V
39	1813719018	Huỳnh Kim Cảnh	N18DLK2	7	5.5	7		6.3	7.0	6.8	Sầu pháp Tâm	
40	1813719049	Trần Quang Đạt	N18DLK2	6	7	8		7.5	9.0	8.3	Tâm pháp Ba	
41	1812719028	Bùi Lê Thúy Diễm	N18DLK2	8	7	7		7.0	8.0	7.7	Báý pháp Báý	
42	1812719053	Nguyễn Thị Đông	N18DLK2	8	5.5	4.5		5.0	7.0	6.5	Sầu pháp Nam	
43	1812719034	Dương Thị Thùy Dung	N18DLK2	7	5.5	5.5		5.5	6.0	6.0	Sầu	
44	1813719036	Đỗ Yên Dũng	N18DLK2	5	6	8		7.0	7.0	6.8	Sầu pháp Tâm	
45	1813719045	Hoàng Hải Dương	N18DLK2	9	5	8		6.5	9.0	8.3	Tâm pháp Ba	
46	1812719047	Lê Trùng Dương	N18DLK2	6	5.5	5.5		5.5	7.0	6.5	Sầu pháp Nam	
47	1813719046	Phan Văn Dương	N18DLK2	6	5	5		5.0	7.0	6.3	Sầu pháp Ba	
48	1813719040	Nguyễn Ngọc Duy	N18DLK2	10	5.5	6.5		6.0	8.0	7.6	Báý pháp Sầu	
49	1812719087	Nguyễn Thị Hạ Hoài	N18DLK2	9	6.5	5.5		6.0	6.0	6.3	Sầu pháp Ba	
50	1812719093	Nguyễn Thị Kim Hồng	N18DLK2	9	6.5	5.5		6.0	6.0	6.3	Sầu pháp Ba	
51	1813719116	Phùng Duy Lâm	N18DLK2	6	5	6.5		5.8	6.0	5.9	Nằm pháp Chên	
52	1812719138	Võ Thùy Bảo My	N18DLK2	8	5	6		5.5	6.0	6.1	Sầu pháp Mất	
53	1812719142	Lê Thị Trà My	N18DLK2	8	6.5	7		6.8	6.0	6.4	Sầu pháp Bất	
54	1812219553	Nguyễn Hoài Bảo Ngọc	N18DLK2	7	7	5		6.0	5.5	5.8	Nằm pháp Tâm	
55	1812719148	Nguyễn Thị Yến Ngọc	N18DLK2	8	4	7		5.5	5.0	5.5	Nằm pháp Nam	
56	1812719150	Phạm Thị Bích Ngọc	N18DLK2	9	5	6		5.5	5.5	5.9	Nằm pháp Chên	
57	1812719167	Trương Nguyễn Yến Nhi	N18DLK2	6	6	5		5.5	6.0	5.9	Nằm pháp Chên	
58	1813719171	Nguyễn Thế Nhơn	N18DLK2	8	6.5	5		5.8	5.0	5.5	Nằm pháp Nam	
59	1812719206	Phan Thị Bảo Quyên	N18DLK2	7	5	5		5.0	5.0	5.2	Nằm pháp Hai	
60	1812719219	Trần Thị Tâm	N18DLK2	8	5	5		5.0	5.0	5.3	Nằm pháp Ba	
61	1812719228	Phùng Thị Thiên Thanh	N18DLK2	10	6	7		6.5	6.0	6.6	Sầu pháp Sầu	
62	1812719257	Nguyễn Diệu Anh Thư	N18DLK2	5	7	7		7.0	8.5	7.7	Báý pháp Báý	
63	1812719271	Tôn Nguyễn Huyền Trâm	N18DLK2	8	7	7		7.0	5.5	6.2	Sầu pháp Hai	
64	1812719269	Nguyễn Võ Hoàng Trang	N18DLK2	8	6.5	6		6.3	5.5	6.0	Sầu	
65	1813719287	Phạm Ngọc Trung	N18DLK2	7	5	5		5.0	5.5	5.5	Nằm pháp Nam	
66	1812719297	Lâm Thảo Uyên	N18DLK2	5	6	7		6.5	5.0	5.5	Nằm pháp Nam	
67	1813719318	Trần Viết Vượng	N18DLK2	10	6	8.5		7.3	6.0	6.8	Sầu pháp Tâm	
68	1812719145	Nguyễn Vĩnh Nam	N18DLK2	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
69	1812719197	Lê Ngọc Trâm Phương	N18DLK2	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
70	1813719132	Tô Minh Lợi	N18DLK2	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP
71	1812719249	Nguyễn Thị Thu Thùy	N18DLK2	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP
72	1813719308	Trần Viết Viễn	N18DLK2	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP
73	1812719020	Nguyễn Thị Minh Châu	N18DLK3	9	6.5	7.5		7.0	6.0	6.6	Sầu pháp Sầu	
74	1812719031	Nguyễn Thị Thanh Dung	N18DLK3	7	5	5		5.0	5.0	5.2	Nằm pháp Hai	
75	1812719062	Trần Thị Thu Hà	N18DLK3	5	7.5	5		6.3	5.5	5.7	Nằm pháp Báý	
76	1812719111	Lê Nguyên Trà Khúc	N18DLK3	10	6	5		5.5	5.5	6.0	Sầu	
77	1812719113	Trần Thị La	N18DLK3	9	5	6		5.5	5.5	5.9	Nằm pháp Chên	
78	1813719131	Trần Thanh Lợi	N18DLK3	6	7	6		6.5	6.0	6.2	Sầu pháp Hai	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
79	1812719139	Trần Thảo	My	N18DLK3	7	7	6		6.5	0.0	0.0	Khăng	V
80	1812719149	Nguyễn Xuân Phương	Ngọc	N18DLK3	8	6	6		6.0	5.0	5.6	Nằm pháy Sau	
81	1812719166	Đoàn Trần Ý	Nhi	N18DLK3	9	7.5	5		6.3	6.0	6.4	Sau pháy Bấu	
82	1812719172	Nguyễn Thị Huyền	Nhung	N18DLK3	7	7	6		6.5	7.0	6.9	Sau pháy Chên	
83	1812719180	Nguyễn Thị Mai	Phi	N18DLK3	8	7	7.5		7.3	7.0	7.2	Báy pháy Hai	
84	1813719191	Nguyễn Chánh	Phước	N18DLK3	6	6	5		5.5	6.0	5.9	Nằm pháy Chên	
85	1812719196	Phan Hồng	Phương	N18DLK3	5	7.5	5		6.3	6.5	6.3	Sau pháy Ba	
86	1813719229	Ngô Trương Duy	Thành	N18DLK3	7	5	5		5.0	6.0	5.8	Nằm pháy Tầm	
87	1812719232	Lê Huỳnh Hiếu	Thảo	N18DLK3	10	7.5	7		7.3	7.0	7.4	Báy pháy Bấu	
88	1812719230	Phạm Phương	Thảo	N18DLK3	8	6	6.5		6.3	6.5	6.6	Sau pháy Sau	
89	1812719252	Võ Thị Ánh	Thủy	N18DLK3	8	7	5		6.0	5.0	5.6	Nằm pháy Sau	
90	1812719275	Phạm Thị	Trâm	N18DLK3	8	5	5		5.0	5.0	5.3	Nằm pháy Ba	
91	1812719273	Nguyễn Thị Bích	Trâm	N18DLK3	10	6	7.5		6.8	5.5	6.3	Sau pháy Ba	
92	1812719319	Phan Thúy	Vy	N18DLK3	10	6	6		6.0	5.5	6.1	Sau pháy Mấu	
93	1812719324	Nguyễn Thị Kim	Yến	N18DLK3	9	6	7.5		6.8	5.0	5.9	Nằm pháy Chên	
94	1812719008	Nguyễn Thị Tú	Anh	N18DLK4	9	6	6		6.0	7.5	7.2	Báy pháy Hai	
95	1812719013	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	N18DLK4	9	9	7		8.0	7.0	7.5	Báy pháy Nằm	
96	1812719032	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	N18DLK4	10	4.5	7.5		6.0	7.0	7.0	Báy	
97	1812719044	Lưu Thị Mỹ	Duyên	N18DLK4	5	5	5		5.0	0.0	0.0	Khăng	V
98	1812719071	Bùi Thị	Hiên	N18DLK4	10	6	9		7.5	4.0	0.0	Khăng	
99	1813719079	Nguyễn Trung	Hiếu	N18DLK4	5	7	5		6.0	0.0	0.0	Khăng	V
100	1813719082	Nguyễn Trọng	Hiếu	N18DLK4	7	4.5	5.5		5.0	2.0	0.0	Khăng	
101	1812719084	Đào Thị Kim	Hoa	N18DLK4	6	6	5		5.5	4.0	0.0	Khăng	
102	1812719092	Trương Thị Khánh	Hồng	N18DLK4	5	5	5		5.0	0.0	0.0	Khăng	V
103	1813719106	Đặng Vũ Anh	Khoa	N18DLK4	10	6.5	8		7.3	4.5	0.0	Khăng	
104	1813719112	Đào Ngọc	Khuê	N18DLK4	10	4.5	7.5		6.0	4.5	0.0	Khăng	
105	1812719114	Lưu Mỹ	Lai	N18DLK4	6	5	5		5.0	4.5	0.0	Khăng	
106	1812719118	Nguyễn Thị Ái	Lâm	N18DLK4	7	6	5		5.5	4.5	0.0	Khăng	
107	1812719122	Nguyễn Phạm Hoài	Linh	N18DLK4	7	7	6		6.5	5.5	6.0	Sau	
108	1812719121	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	N18DLK4	6	4.5	5.5		5.0	5.0	5.1	Nằm pháy Mấu	
109	1812719126	Phan Bạch Hồng	Loan	N18DLK4	9	4.5	5.5		5.0	4.0	0.0	Khăng	
110	1813719136	Tôn Thất	Mãi	N18DLK4	6	6	5		5.5	7.0	6.5	Sau pháy Nằm	
111	1812719146	Nguyễn Thị Thúy	Nga	N18DLK4	10	6.5	4.5		5.5	4.0	0.0	Khăng	
112	1812719151	Nguyễn Thị Tố	Nguyên	N18DLK4	10	7.5	6.5		7.0	6.5	7.0	Báy	
113	1812719157	Lê Võ Mỹ Thanh	Nhàn	N18DLK4	7	5.5	4.5		5.0	6.0	5.8	Nằm pháy Tầm	
114	1813719159	Trương Thành	Nhân	N18DLK4	10	9	7		8.0	8.0	8.2	Tầm pháy Hai	
115	1813719158	Nguyễn Trọng	Nhân	N18DLK4	5	5	5		5.0	6.0	5.6	Nằm pháy Sau	
116	1812719170	Trần Phương Quỳnh	Nhi	N18DLK4	10	7	6		6.5	6.0	6.6	Sau pháy Sau	
117	1812719169	Trương Thị Thúy	Nhi	N18DLK4	7	4.5	5.5		5.0	7.0	6.4	Sau pháy Bấu	
118	1813719179	Trịnh Thành	Phát	N18DLK4	4	5	5		5.0	6.0	5.5	Nằm pháy Nằm	
119	1813719181	Hà Ngọc Huy	Phong	N18DLK4	6	6	5		5.5	5.5	5.6	Nằm pháy Sau	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
120	1812719183	Nguyễn Ngọc Nguyên Phú	N18DLK4	10	7.5	6.5		7.0	7.5	7.6	Bá ý pháp Saù	
121	1812719198	Huỳnh Thị Bích Phương	N18DLK4	7	6	5		5.5	8.0	7.2	Bá ý pháp Hai	
122	1812719199	Trương Thị Ngọc Phượng	N18DLK4	7	9	8		8.5	9.0	8.7	Tam pháp Bá ý	
123	1812719203	Nguyễn Thị Thu Quý	N18DLK4	9	8	7		7.5	8.0	8.0	Tam	
124	1812719209	Phạm Đoan Khánh Quỳnh	N18DLK4	10	7.5	6		6.8	7.5	7.5	Bá ý pháp Nam	
125	1813719216	Nguyễn Thanh Sơn	N18DLK4	5	5.5	4.5		5.0	5.0	5.0	Nam	
126	1813719225	Phạm Ngọc Bảo Tân	N18DLK4	7	5	5		5.0	5.0	5.2	Nam pháp Hai	
127	1812719233	Trần Dương Việt Thảo	N18DLK4	7	8	7		7.5	9.0	8.4	Tam pháp Bá ứ	
128	1813719243	Nguyễn Ngọc Thông	N18DLK4	10	6.5	6.5		6.5	6.0	6.6	Saù pháp Saù	
129	1813719293	Phan Sỹ Tùng	N18DLK4	6	6	5		5.5	7.0	6.5	Saù pháp Nam	
130	1813719313	Dương Lê Tuấn Vũ	N18DLK4	7	7	8		7.5	9.0	8.4	Tam pháp Bá ứ	
131	1812719073	Lê Thị Diệu Hiền	N18DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
132	1813719090	Đoàn Văn Hoàng	N18DLK3	5	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
133	1812719124	Nguyễn Thảo Linh	N18DLK3	4	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
134	1812719152	Lê Kim Hạnh Nguyên	N18DLK3	4	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
135	1813719185	Phạm Đắc Hoàng Phúc	N18DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
136	1813719217	Phạm Ngọc Sơn	N18DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
137	1813719218	Võ Chí Tâm	N18DLK3	4	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
138	1813719266	Mai Đình Toàn	N18DLK3	4	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
139	1813719289	Đỗ Thanh Tú	N18DLK3	4	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
140	1813719295	Trần Mai Phước Tùng	N18DLK3	5	0	5.5		2.8	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
141	1813719307	Huỳnh Văn Vĩ	N18DLK3	3	0	5.5		2.8	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
142	1813719081	Nguyễn Thanh Trung Hiếu	N18DLK4	4	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
143	1813719095	Nguyễn Xuân Huy	N18DLK4	3	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
144	1813719110	Nguyễn Đức Khôi	N18DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP
145	1812719125	Mai Nguyễn Quỳnh Loan	N18DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP
146	1813719186	Lê Hồng Phúc	N18DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP
147	1812719253	Bùi Thị Thanh Thủy	N18DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP
148	1813719050	Phạm Văn Đạt	N18DLK4	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP
149	1813719039	Trần Hữu Duy	N18DLK4	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP
150	1812719123	Đậu Thị Thùy Linh	N18DLK4	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP
151	1812719227	Nguyễn Lan Thanh	N18DLK4	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP
152	1813719241	Trần Bửu Thịnh	N18DLK4	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP
153	1813719262	Nguyễn Đăng Trung Tín	N18DLK4	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP
154	1813719003	Lê Thành An	N18DLK5	5	6	5.5		5.8	7.0	6.4	Saù pháp Bá ứ	
155	1813719001	Bùi Quý An	N18DLK5	8	7	5		6.0	6.5	6.5	Saù pháp Nam	
156	1812719006	Ngô Thị Quỳnh Anh	N18DLK5	8	7	7		7.0	8.0	7.7	Bá ý pháp Bá ý	
157	1813719011	Đào Duy Anh	N18DLK5	5	4.5	5.5		5.0	6.0	5.6	Nam pháp Saù	
158	1813719021	Nguyễn Hữu Châu	N18DLK5	7	7	6		6.5	7.0	6.9	Saù pháp Chèn	
159	1812719023	Võ Quế Chi	N18DLK5	8	6	7		6.5	8.0	7.6	Bá ý pháp Saù	
160	1813719025	Lê Văn Chiến	N18DLK5	8	6.5	5		5.8	3.0	0.0	Khăng	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
161	1812719215	H' Hiệp Niê	H' Sah	N18DLK5	8	9	8		8.5	8.0	8.2	Tâm pháp Hai	
162	1813719075	Trương Thanh	Hiền	N18DLK5	4	6	4		5.0	2.0	0.0	Khăng	
163	1813719626	Nguyễn Đình	Hiệp	N18DLK5	8	5	5		5.0	2.0	0.0	Khăng	
164	1813719078	Trương Hoàng	Hiếu	N18DLK5	7	5.5	5.5		5.5	2.0	0.0	Khăng	
165	1813719089	Trần Thiên	Hoàng	N18DLK5	8	5	6.5		5.8	7.0	6.7	Sâu pháp Bảy	
166	1813719091	Võ Quang	Hoàng	N18DLK5	7	5.5	5.5		5.5	7.0	6.6	Sâu pháp Sáu	
167	1813719094	Phạm Thế	Hùng	N18DLK5	9	5.5	5.5		5.5	4.0	0.0	Khăng	
168	1813719097	Phạm Lê Duy	Hưng	N18DLK5	7	6	5		5.5	7.0	6.6	Sâu pháp Sáu	
169	1812719117	Nguyễn Thị	Lan	N18DLK5	10	7.5	7.5		7.5	5.5	6.6	Sâu pháp Sáu	
170	1813719128	Nguyễn Hoàng	Long	N18DLK5	4	6.5	5.5		6.0	4.0	0.0	Khăng	
171	1813719153	Vũ Hoàng	Nguyên	N18DLK5	8	7	5		6.0	5.0	5.6	Nằm pháp Sáu	
172	1812719156	Hoàng Thị	Nguyệt	N18DLK5	10	7	6		6.5	4.0	0.0	Khăng	
173	1813719175	Đỗ Văn	Nhật	N18DLK5	8	5	5		5.0	3.0	0.0	Khăng	
174	1813719189	Trần Phi	Phụng	N18DLK5	6	7	6		6.5	8.0	7.4	Bảy pháp Sáu	
175	1812719213	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	N18DLK5	8	6	6		6.0	7.0	6.8	Sâu pháp Tâm	
176	1812719244	Đỗ Nguyễn Hoài	Thu	N18DLK5	8	8.5	8		8.3	8.0	8.1	Tâm pháp Mười	
177	1812719255	Nguyễn Thị Thu	Thủy	N18DLK5	9	7.5	6.5		7.0	7.0	7.2	Bảy pháp Hai	
178	1813719264	Nguyễn Thành	Tín	N18DLK5	5	5	5		5.0	5.5	5.3	Nằm pháp Ba	
179	1813119457	Nguyễn Văn	Tịnh	N18DLK5	7	5	5.5		5.3	6.0	5.9	Nằm pháp Chén	
180	1813719278	Huỳnh Ngọc	Trí	N18DLK5	10	7	7		7.0	7.0	7.3	Bảy pháp Ba	
181	1813719280	Lý Thế	Triều	N18DLK5	10	8.5	8.5		8.5	7.5	8.1	Tâm pháp Mười	
182	1812719282	Huỳnh Thị Ánh	Trình	N18DLK5	10	7	6		6.5	5.0	6.0	Sáu	
183	1813719285	Tạ Thanh	Trung	N18DLK5	8	7	6		6.5	7.0	7.0	Bảy	
184	1813719286	Nguyễn Thành	Trung	N18DLK5	8	5.5	7		6.3	7.0	6.9	Sâu pháp Chén	
185	1813719290	Nguyễn Ngọc	Tú	N18DLK5	10	6.5	5.5		6.0	5.0	5.8	Nằm pháp Tâm	
186	1813719292	Phan Thành	Tuấn	N18DLK5	5	5	5		5.0	5.0	5.0	Nằm	
187	1812719296	Phạm Thị Thanh	Tuyền	N18DLK5	10	9	7		8.0	7.0	7.6	Bảy pháp Sáu	
188	1813719310	Nguyễn Hữu	Vinh	N18DLK5	10	6	7.5		6.8	5.5	6.3	Sâu pháp Ba	
189	1812719321	Trần Thị Hiền	Vy	N18DLK5	7	7	7		7.0	7.0	7.0	Bảy	
190	1813719051	Lê Đình	Đầu	N18DLK5	7	7.5	5.5		6.5	0.0	0.0	Khăng	HP
191	1813719010	Nguyễn Đức	Anh	N18DLK6	6	6	6		6.0	6.5	6.3	Sâu pháp Ba	
192	1813719004	Lê Đức	Anh	N18DLK6	6	5.5	7		6.3	5.0	5.5	Nằm pháp Nằm	
193	1813719022	Nguyễn Nhật Long	Châu	N18DLK6	7	7	6		6.5	5.5	6.0	Sáu	
194	1812719026	Lê Thị Kim	Chung	N18DLK6	5	5.5	5.5		5.5	5.0	5.2	Nằm pháp Hai	
195	1812719048	Trần Đặng Minh	Đài	N18DLK6	6	7	5		6.0	5.0	5.4	Nằm pháp Sáu	
196	1812719054	Nguyễn Thị Thu	Đông	N18DLK6	6	5	5		5.0	5.5	5.4	Nằm pháp Sáu	
197	1813719058	Trần Hoàng Trung	Đức	N18DLK6	7	5	5.5		5.3	6.5	6.2	Sâu pháp Hai	
198	1813719037	Thái Tú	Dũng	N18DLK6	8	6.5	7		6.8	7.0	7.0	Bảy	
199	1813719038	Nguyễn Ngọc	Duy	N18DLK6	8	6	6		6.0	7.0	6.8	Sâu pháp Tâm	
200	1813719042	Nguyễn Khánh	Duy	N18DLK6	7	6	8		7.0	5.0	5.8	Nằm pháp Tâm	
201	1812719064	Lê Thị Ngọc	Hà	N18DLK6	10	5	8		6.5	7.0	7.2	Bảy pháp Hai	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
202	1812719069	Tôn Nữ Thị Hằng	N18DLK6	5	6	5		5.5	4.0	0.0	Khăng	
203	1812719068	Nguyễn Hồng Hạnh	N18DLK6	6	6	6		6.0	5.0	5.4	Nằm pháy Bấu	
204	1813719072	Nguyễn Viết Duy Hiền	N18DLK6	8	6	5		5.5	6.0	6.1	Sầu pháy Mầu	
205	1813719077	Trần Minh Hiên	N18DLK6	5	5.5	5		5.3	5.0	5.1	Nằm pháy Mầu	
206	1812719085	Lê Hoàng Hoa	N18DLK6	7	6	8		7.0	5.5	6.1	Sầu pháy Mầu	
207	1812719101	Lê Thị Thu Hương	N18DLK6	6	5.5	5.5		5.5	4.5	0.0	Khăng	
208	1813719109	Trần Đăng Khoa	N18DLK6	9	5.5	7		6.3	4.5	0.0	Khăng	
209	1812719133	Dương Trương Thị Luyến	N18DLK6	7	6	5		5.5	5.0	5.4	Nằm pháy Bấu	
210	1812719144	Nguyễn Hoàng Ni Na	N18DLK6	7	5	7.5		6.3	5.5	5.9	Nằm pháy Chên	
211	1812719147	Đoàn Thị Khánh Nga	N18DLK6	7	6	5		5.5	5.5	5.7	Nằm pháy Báy	
212	1812719627	Mai Tùng Nghĩa	N18DLK6	9	5	6		5.5	4.0	0.0	Khăng	
213	1812719162	Đặng Thị Hồng Nhật	N18DLK6	6	6.5	5.5		6.0	5.5	5.7	Nằm pháy Báy	
214	1812719165	Phan Thị Uyên Nhi	N18DLK6	4	5	5		5.0	6.0	5.5	Nằm pháy Nằm	
215	1812719173	Huỳnh Thị Quỳnh Như	N18DLK6	5	5.5	5.5		5.5	6.0	5.8	Nằm pháy Tâm	
216	1812719176	Nguyễn Thị Nữ	N18DLK6	7	7	6		6.5	6.0	6.3	Sầu pháy Ba	
217	1813719187	Nguyễn Thành Phúc	N18DLK6	6	6.5	7.5		7.0	6.0	6.3	Sầu pháy Ba	
218	1812719193	Võ Thị Phước	N18DLK6	7	6.5	5.5		6.0	6.0	6.1	Sầu pháy Mầu	
219	1812719212	Mai Trần Xuân Quỳnh	N18DLK6	8	5	8		6.5	6.0	6.4	Sầu pháy Bấu	
220	1812719220	Phan Nguyễn Thành Tâm	N18DLK6	7	7	6		6.5	7.0	6.9	Sầu pháy Chên	
221	1813719221	Tô Văn Hoài Tâm	N18DLK6	8	7	5		6.0	6.5	6.5	Sầu pháy Nằm	
222	1812719235	Nguyễn Thị Gia Thảo	N18DLK6	7	7	7.5		7.3	7.0	7.1	Báy pháy Mầu	
223	1813719238	Ngô Minh Thiện	N18DLK6	7	7	5		6.0	7.0	6.7	Sầu pháy Báy	
224	1813719240	Nguyễn Văn Thịnh	N18DLK6	6	8	8		8.0	7.0	7.2	Báy pháy Hai	
225	1812719270	Phan Nguyễn Thùy Trâm	N18DLK6	8	8	8		8.0	9.0	8.6	Tâm pháy Sầu	
226	1812719276	Lê Thị Trâm	N18DLK6	7	6	8		7.0	5.0	5.8	Nằm pháy Tâm	
227	1813719279	Nguyễn Duy Trí	N18DLK6	8	6.5	5.5		6.0	5.5	5.9	Nằm pháy Chên	
228	1813719281	Nguyễn Công Triệu	N18DLK6	5	5	5		5.0	6.0	5.6	Nằm pháy Sầu	
229	1812719300	Trần Hồ Phương Uyên	N18DLK6	5	7	5		6.0	5.0	5.3	Nằm pháy Ba	
230	1812719305	Nguyễn Thị Hoàng Vân	N18DLK6	7	7	7		7.0	7.0	7.0	Báy	
231	1813719301	Trần Khánh Văn	N18DLK6	9	7	7		7.0	5.5	6.3	Sầu pháy Ba	
232	1812719304	Nguyễn Thị Vân	N18DLK6	6	6.5	7.5		7.0	6.5	6.6	Sầu pháy Sầu	
233	1813719317	Nguyễn Minh Vương	N18DLK6	7	5	5		5.0	5.0	5.2	Nằm pháy Hai	
234	1813719322	Nguyễn Phú Vỹ	N18DLK6	8	7	5		6.0	5.0	5.6	Nằm pháy Sầu	
235	1812719063	Huỳnh Thị Kim Hà	N18DLK5	5	5	0		2.5	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
236	1813719143	Ngô Tuấn Mỹ	N18DLK5	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
237	1813719052	Trần Văn Định	N18DLK6	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
238	1813719057	Vũ Điều Đức	N18DLK6	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
239	1812719055	Nguyễn Ngọc Đúng	N18DLK6	6	5	0		2.5	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
240	1813719041	Nguyễn Tấn Duy	N18DLK6	7	5	0		2.5	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
241	1813719066	Hồ Viết Hà	N18DLK6	4	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
242	1813719207	Nguyễn Kim Trúc Quyền	N18DLK6	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				BẢNG GHI ĐIỂM									
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN								Lớp:	N18DLK
TÊN MÔN: ANH NGỮ 3												Tín chỉ:	2
MÃ MÔN: ENG2201												Học kì:	3
Ngày thi: 28/02/2014												Lần thi:	1
TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ		
243	1813719223	Nguyễn Tấn Tâm	N18DLK6	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,	
244	1812719247	Huỳnh Nữ Phương Thu	N18DLK6	4	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,	
245	1813719070	Đinh Văn Hậu	N18DLK5	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP	
246	1812719100	Trần Thị Minh Hương	N18DLK5	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP	
247	1812719120	Trần Huỳnh Kim Linh	N18DLK5	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP	
248	1812719299	Hồ Lê Thị Thảo Uyên	N18DLK5	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP	
249	1813719024	Nguyễn Quang Chiến	N18DLK6	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP	
250	1813719137	Nguyễn Ngọc Mùi	N18DLK6	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP	
251	1812719155	Nguyễn Diệu Tài Nguyên	N18DLK6	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP	
252	1813719201	Nguyễn Thế Quang	N18DLK6	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP	
253	1812719246	Dương Thị Ngọc Thu	N18DLK6	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP	
254	1813719265	Đặng Thanh Tịnh	N18DLK6	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP	
255	1812719283	Trương Thị Ngọc Trinh	N18DLK6	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP	
256	1813719316	Lê Tấn Vũ	N18DLK6	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, HP	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	169	66%	
2	Số sinh viên nợ	87	34%	
TỔNG CỘNG :		256	100%	

LẬP BẢNG	KIỂM TRA	LÃNH ĐẠO KHOA	Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2014	
			PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH	
	(ký và ghi rõ họ tên)	(ký và ghi rõ họ tên)	(ký và ghi rõ họ tên)	
Nguyễn Kim Đức			ThS. Nguyễn Ân	